

Bản án số: 06/2020/KDTM-ST

Ngày: 11-5-2020

V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THUẬN AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Bạch Tuyết

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Thiện
2. Bà Nguyễn Ngọc Hồng

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An tham gia phiên tòa: Ông Bùi Văn Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 5 năm 2020, tại phòng xử án Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 48/2019/TLST-KDTM ngày 04 tháng 12 năm 2019 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 36/2020/QĐST-KDTM ngày 01 tháng 4 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2020/QĐST-KDTM ngày 16 tháng 4 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Ph; địa chỉ: Số 25Bis Nguyễn Thị Minh Khai, phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. Người đại diện theo pháp luật: Ông Ph Q Th.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Ng Th H Ph, sinh năm 1988 và ông Tr L T; địa chỉ: Số 25Bis Nguyễn Thị Minh Khai, phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh (theo văn bản ủy quyền ngày 16 tháng 7 năm 2019). Bà Ph có mặt, ông T vắng mặt.

Bị đơn: Công ty TNHH Việt Nam J.S; địa chỉ: Số 30 Đại lộ H, khu công nghiệp Việt Nam Singapore, phường Bình Hòa, thị xã (nay là thành phố) Thuận An, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Ng Th H Ph trình bày:

Ngân hàng TMCP Ph đã cho Công ty TNHH Việt Nam J.S vay tiền theo các hợp đồng tín dụng như sau:

Hợp đồng tín dụng hạn mức ngắn hạn số 15642/18/MN/HĐTD ngày 24 tháng 7 năm 2018, số tiền đã giải ngân là 37.989.626.339 đồng.

Hợp đồng tín dụng hạn mức ngắn hạn số 15642/18MN/HĐTD ngày 24 tháng 7 năm 2018, số tiền đã giải ngân là 9.512.153.251 đồng.

Hợp đồng tín dụng hạn mức ngắn hạn số 15642/18MN/HĐTD ngày 24 tháng 7 năm 2018, số tiền đã giải ngân là 218.920 USD.

Hợp đồng tín dụng số 0559/14/HĐTDTDH-DN/010 ngày 23 tháng 12 năm 2014; Phụ lục hợp đồng số 0559/14/HĐTDTDH-DN/010/PL.01 ngày 24 tháng 9 năm 2015 và Phụ lục hợp đồng số 0559/14/HĐTDTDH-DN/010/PL HĐTD/PN/02 ngày 22 tháng 6 năm 2017, số tiền đã giải ngân là 50.000.000.000 đồng.

Hợp đồng tín dụng số 11580/17/HĐTDTDH-PN/010 ngày 14 tháng 8 năm 2017, số tiền đã giải ngân là 25.810.875.000 đồng.

Do Công ty TNHH Việt Nam J.S vi phạm nghĩa vụ trả tiền nên Ngân hàng TMCP Ph khởi kiện yêu cầu cụ thể:

1. Buộc Công ty TNHH Việt Nam J.S phải trả cho Ngân hàng TMCP Ph số tiền nợ gốc 87.702.836.125 đồng; Lãi trong hạn 2.302.457.687; lãi quá hạn 1.299.992.124 đồng (lãi vay tạm tính đến ngày 30 tháng 6 năm 2019, tỷ giá: 23.320 VND/USD ngày 30 tháng 6 năm 2019 theo tỷ giá bán USD niêm yết trên website HDBank).

2. Buộc Công ty TNHH Việt Nam J.S phải thanh toán tiền nợ lãi phát sinh đối với số nợ còn lại theo mức lãi suất quá hạn trong hợp đồng tín dụng đã ký kết với Ngân hàng TMCP Ph từ ngày 01 tháng 7 năm 2019 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

3. Trường hợp Công ty TNHH Việt Nam J.S không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP Ph thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án phát mãi tài sản đảm bảo để cân trừ nghĩa vụ trả nợ của Công ty TNHH Việt Nam J.S, bao gồm:

Tài sản 1: Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản gắn liền với đất tọa lạc tại Lô A6.1, A6.2, A6.3, A6.5, A6.6, A6.7 Khu công nghiệp Chơn Thành, Đường số 8 và số 5 Khu công nghiệp Chơn Thành, xã Thành Tâm, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CG 436735 số vào sổ

CT08768 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Phước cấp ngày 04 tháng 5 năm 2017 cho Công ty TNHH Việt Nam J.S theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 0388/15/HĐBĐ-010 ngày 21 tháng 5 năm 2015 tại Phòng công chứng số 01 tỉnh Bình Phước, đăng ký giao dịch bảo đảm tại Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Phước.

Hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp số 0388.01/2015/HĐBĐ-010 ngày 24 tháng 9 năm 2015 tại Phòng công chứng số 01 tỉnh Bình Phước.

Hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp số 0388/15/HĐBĐ-010/PL.02 ngày 22 tháng 6 năm 2017 tại Phòng công chứng số 01 tỉnh Bình Phước.

Tài sản 2: Máy in màng bao bì (ROTO GRAVURE PRINTING M/C, Model: SOP-GRA-1300, kiểu máy in màng công nghiệp hoạt động bằng điện 3 pha/380v-50hz, công suất 120Kw, xuất xứ Hàn Quốc, năm sản xuất 2017 đặt tại Công ty TNHH Việt Nam J.S PLASTIC PACKAGING. Theo hợp đồng thế chấp máy móc, thiết bị, phương tiện vận tải số 10279/17/HĐBĐ-010 ngày 14 tháng 8 năm 2017, đăng ký giao dịch bảo đảm tại Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại Đà Nẵng.

Tài sản 3: Hệ thống máy ghép màng bao bì nhựa Tandem Extruder Lamina Tinh M/C SOP-TEL-1300, kiểu máy ghép màng bao bì nhựa công nghiệp hoạt động bằng điện 220v/380v-50hz/3pha, công suất 350kw, xuất xứ Hàn Quốc, năm sản xuất 2017 đặt tại Công ty TNHH Việt Nam J.S PLASTIC PACKAGING. Theo hợp đồng thế chấp máy móc, thiết bị, phương tiện vận tải số 13634/17/HĐBĐ-010 ngày 19 tháng 10 năm 2017, đăng ký giao dịch bảo đảm tại Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại Đà Nẵng.

Tài sản 4: Máy kiểm tra mức truyền hơi nước (WATER VAPOR TRANSMISSION RATE (WVTR) FILM TESTING EQUIPMENT), model PERMATRAN-W 3/34G (NIST), seri NO 0417FP0149, kiểu máy kiểm tra mức truyền hơi nước của màng bao bì nhựa, hoạt động bằng điện 1pha/220-50hz, công suất máy 700VA, xuất xứ USA, năm sản xuất 2017.

Máy kiểm tra mức nước truyền oxygen (OXYGEN TRANSMISSION RATE (O2TR) FILM TESTING EQUIPMENT), model OX-TRAN 2/22L (NIST), seri NO 0317FN0194, kiểu máy kiểm tra mức truyền oxygen của màng bao bì nhựa, hoạt động bằng điện 1pha/220-50hz, công suất máy 700VA, xuất xứ USA, năm sản xuất 2017. Theo hợp đồng thế chấp máy móc, thiết bị, phương tiện vận tải số 10176/17/HĐBĐ-010 ngày 14 tháng 8 năm 2017, đăng ký giao dịch bảo đảm tại Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại Đà Nẵng.

Tài sản 5: Bộ chứng từ chiết khấu số JSVN-003-19; Bộ chứng từ chiết khấu số JSVN-008-19; Bộ chứng từ chiết khấu số JSVN-016-19. Theo yêu cầu thanh toán chứng từ hàng xuất, đề nghị chiết khấu kèm hợp đồng chiết khấu số 0021/19/HĐBank-010 ngày 21 tháng 02 năm 2019, Thư yêu cầu thanh toán chứng từ hàng xuất, đề nghị chiết khấu kèm hợp đồng chiết khấu số 0025/19/HĐBank-010 ngày 22/02/2019; Thư yêu cầu thanh toán chứng từ hàng

xuất, đề nghị chiết khấu kiêm hợp đồng chiết khấu số 0084/19/HDBank-010 ngày 29 tháng 3 năm 2019.

Ngân hàng TMCP Ph đề nghị Tòa án tuyên buộc Công ty TNHH Việt Nam J.S chuyển toàn bộ số tiền thụ hưởng phát sinh từ 03 bộ chứng từ chiết khấu nêu trên về tài khoản của Ngân hàng TMCP Ph để thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

Nếu số tiền phát mãi tài sản đảm bảo và toàn bộ số tiền thụ hưởng phát sinh từ 03 bộ chứng từ chiết khấu nêu trên không đủ thanh toán hết khoản nợ của Công ty TNHH Việt Nam J.S thì Công ty TNHH Việt Nam J.S vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ.

Tài liệu, chứng cứ nguyên đơn cung cấp gồm: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; Điều lệ ngân hàng; Quyết định ủy quyền ngày 21 tháng 02 năm 2019; Văn bản ủy quyền số 275 ngày 15 tháng 7 năm 2019; Hợp đồng tín dụng số 15642/18MN/HĐTD ngày 24 tháng 7 năm 2018; Hợp đồng tín dụng số 0559/14/HĐTDTDH-DN/010 ngày 23 tháng 12 năm 2014; Phụ lục Hợp đồng tín dụng số 0559/14/HĐTDTDH-DN/010/PL.01 ngày 24 tháng 9 năm 2015; Phụ lục Hợp đồng tín dụng số 0559/14/HĐTDTDH-DN/010/PL.HĐTD/PN/02 ngày 22 tháng 6 năm 2017; Hợp đồng tín dụng số 11580/17/HĐTDTDH-DN/010 ngày 14 tháng 8 năm 2017; Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 0388/15/HĐBĐ-010 ngày 21 tháng 5 năm 2015; Hợp đồng sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 0388.01/15/HĐBĐ-010 ngày 24 tháng 9 năm 2015; Hợp đồng sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 0388/15/HĐBĐ-010/PL-02 ngày 22 tháng 6 năm 2017; Hợp đồng thế chấp máy móc, thiết bị/phương tiện vận tải số 10279/17/HĐBĐ-010 ngày 14 tháng 8 năm 2017; Hợp đồng thế chấp máy móc, thiết bị/phương tiện vận tải số 13634/17/HĐBĐ-010 ngày 19 tháng 10 năm 2017; Hợp đồng thế chấp máy móc, thiết bị/phương tiện vận tải số 10176/17/HĐBĐ-010 ngày 14 tháng 8 năm 2017; Thư yêu cầu thanh toán chứng từ hàng xuất, đề nghị chiết khấu kiêm hợp đồng chiết khấu số 0021/19/HĐBank-010 ngày 21 tháng 02 năm 2019; Thư yêu cầu thanh toán chứng từ hàng xuất, đề nghị chiết khấu kiêm hợp đồng chiết khấu số 0084/19/HĐBank-010 ngày 29 tháng 3 năm 2019; Thư yêu cầu thanh toán chứng từ hàng xuất, đề nghị chiết khấu kiêm hợp đồng chiết khấu số 0025/19/HĐBank -010 ngày 22 tháng 02 năm 2019; Đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 15642/18MN/HĐTD/ĐNGN-KUNN/PN/01 ngày 22 tháng 8 năm 2018; Đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 15642/18MN/HĐTD/ĐNGN-KUNN/PN/02 ngày 11 tháng 9 năm 2018; Đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 15642/18MN/HĐTD/ĐNGN-KUNN/PN/03 ngày 13 tháng 9 năm 2018; Đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 15642/18MN/HĐTD/ĐNGN-KUNN/PN/04 ngày 13 tháng 9 năm 2018; Đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 15642/18MN/HĐTD/ĐNGN-KUNN/PN/05 ngày 18 tháng 9 năm 2018; Đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 15642/18MN/HĐTD/KUNN06 ngày 27 tháng 9 năm 2018; Đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 15642/18MN/HĐTD/KUNN07 ngày 27 tháng 9 năm 2018; Đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 15642/18MN/HĐTD/KUNN08 ngày 02 tháng 10 năm

2018; Đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 15642/18MN/HĐTD/KUNN09 ngày 08 tháng 10 năm 2018; Đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 15642/18MN/HĐTD/KUNN10 ngày 11 tháng 10 năm 2018; Đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 15642/18MN/HĐTD/KUNN11 ngày 16 tháng 10 năm 2018; Đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 15642/18MN/HĐTD/KUNN12 ngày 18 tháng 10 năm 2018; Đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 15642/18MN/HĐTD/KUNN13 ngày 19 tháng 10 năm 2018; Đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 15642/18MN/HĐTD/KUNN16 ngày 26 tháng 10 năm 2018; Đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 15642/18MN/HĐTD/KUNN17 ngày 29 tháng 10 năm 2018; Đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 15642/18MN/HĐTD/KUNN18 ngày 29 tháng 10 năm 2018; Đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 15642/18MN/HĐTD/KUNN19 ngày 30 tháng 10 năm 2018; Đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 15642/18MN/HĐTD/KUNN20 ngày 01 tháng 11 năm 2018; Đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 15642/18MN/HĐTD/KUNN21 ngày 02 tháng 11 năm 2018; Đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 15642/18MN/HĐTD/KUNN22 ngày 07 tháng 11 năm 2018; Đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 15642/18MN/HĐTD/KUNN23 ngày 14 tháng 11 năm 2018; Đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 15642/18MN/HĐTD/KUNN24 ngày 03 tháng 12 năm 2018; Đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 15642/18MN/HĐTD/KUNN26 ngày 05 tháng 12 năm 2018; Đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 15642/18MN/HĐTD/KUNN28 ngày 10 tháng 12 năm 2018; Đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 15642/18MN/HĐTD/KUNN30 ngày 11 tháng 12 năm 2018; Đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 15642/18MN/HĐTD/KUNN31 ngày 18 tháng 12 năm 2018; Đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 15642/18MN/HĐTD/KUNN32 ngày 18 tháng 12 năm 2018; Đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 15642/18MN/HĐTD/KUNN33 ngày 02 tháng 01 năm 2019; Đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 15642/18MN/HĐTD/KUNN15 ngày 24 tháng 10 năm 2018; Đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 15642/18MN/HĐTD/KUNN18 ngày 30 tháng 10 năm 2018; Đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 15642/18MN/HĐTD/KUNN25 ngày 04 tháng 12 năm 2018; Đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 15642/18MN/HĐTD/KUNN27 ngày 10 tháng 12 năm 2018; Đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 15642/18MN/HĐTD/KUNN29 ngày 11 tháng 12 năm 2018; Đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 15642/18MN/HĐTD/KUNN34 ngày 02 tháng 01 năm 2019; Khế ước nhận nợ số 0559/14/HĐTDH-DN/010/KUNN.01 ngày 24 tháng 12 năm 2014; Khế ước nhận nợ số 0559/14/HĐTDH-DN/010/KUNN.02 ngày 24 tháng 12 năm 2014; Khế ước nhận nợ số 0559/14/HĐTDH-DN/010/KUNN.03 ngày 24 tháng 12 năm 2014; Đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 0559.04/ĐNGN-KUNN/DN ngày 29 tháng 9 năm 2015; Đề nghị giải

ngân kiêm khế ước nhận nợ số 11580/17/HĐTDTDH-PN/010/ĐNGN-KUNN/PN01 ngày 25 tháng 8 năm 2017; Đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 11580/17/HĐTDTDH-PN/010/ĐNGN-KUNN/PN/02 ngày 15 tháng 8 năm 2017; Đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 11580/17/HĐTDTDH-PN/010/ĐNGN-KUNN/PN/03 ngày 20 tháng 10 năm 2017; Điều lệ của Công ty TNHH Việt Nam J.S PLASTIC PACKAGING; Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, giấy chứng nhận đầu tư của Công ty J.S; Hộ chiếu người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH Việt Nam J.S PLASTIC PACKAGING; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; đơn yêu cầu đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất ngày 28 tháng 5 năm 2015; đơn yêu cầu thay đổi nội dung thế chấp đã đăng ký ngày 29 tháng 9 năm 2015; đơn yêu cầu đăng ký thay đổi, sửa chữa sai sót ngày 22 tháng 6 năm 2017; đơn yêu cầu đăng ký giao dịch bảo đảm, hợp đồng thông báo việc kê biên ngày 14 tháng 8 năm 2017; phiếu chiết tính thu nợ vay ngày 12 tháng 8 năm 2019.

Tại phiên tòa nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải thanh toán số tiền 101.029.749.550 đồng (trong đó nợ gốc 87.725.008.493 đồng; lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm: Lãi trong hạn 5.143.386.050 đồng, lãi quá hạn 8.161.355.008 đồng).

Bị đơn Công ty TNHH Việt Nam J.S đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án và giấy triệu tập người đại diện theo pháp luật của Công ty tham gia buổi xem xét thẩm định tại chỗ và làm việc ngày 03 tháng 01 năm 2020; thông báo hòa giải lần 1 và giấy triệu tập người đại diện theo pháp luật của Công ty đến Tòa án hòa giải ngày 30 tháng 01 năm 2020; thông báo hòa giải lần 2 và giấy triệu tập người đại diện theo pháp luật của Công ty đến Tòa án hòa giải ngày 17 tháng 02 năm 2020; quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập người đại diện theo pháp luật của Công ty đến Tòa án tham gia phiên tòa ngày 16 tháng 4 năm 2020; quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập người đại diện theo pháp luật của Công ty đến Tòa án tham gia phiên tòa ngày 11 tháng 5 năm 2020. Tuy nhiên, Công ty TNHH Việt Nam J.S vắng mặt không rõ lý do.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật tố tụng. Riêng bị đơn không chấp hành đúng pháp luật tố tụng.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét tại phiên tòa, nhận thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết và quan hệ tranh chấp: Ngân hàng TMCP Ph (gọi tắt là Ngân hàng) khởi kiện Công ty TNHH Việt Nam J.S (gọi tắt là Công ty J.S), có trụ sở: Số 30 Đại lộ H, khu công nghiệp Việt Nam Singapore, phường Bình Hòa, thị xã (nay là thành phố) Thuận An, tỉnh Bình Dương về việc yêu cầu thanh toán tiền nợ vay và tiền lãi phát sinh từ hợp đồng tín dụng. Xét, đây là vụ án kinh doanh thương mại về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã (nay là thành phố) Thuận An theo quy định tại Điều 30; Điều 35 và Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn Công ty J.S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ 02 lần tham gia phiên tòa, nhưng vắng mặt không rõ lý do. Do đó, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Bị đơn Công ty J.S đã được Tòa án thông báo, tổng đạt hợp lệ để tham gia tố tụng theo quy định của pháp luật, nhưng bị đơn vắng mặt không rõ lý do và cũng không có ý kiến gì về việc giải quyết vụ án, không cung cấp các tài liệu, chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình là đã tự từ bỏ quyền và nghĩa vụ chứng minh của mình nên bị đơn phải chịu hậu quả của việc không đưa ra chứng cứ, không chứng minh được theo quy định tại Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Nguyên đơn Ngân hàng khởi kiện cho rằng do Công ty J.S vi phạm nghĩa vụ trả tiền nợ vay và lãi suất nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu cụ thể: Buộc Công ty J.S phải trả cho Ngân hàng số tiền 101.029.749.550 đồng (trong đó nợ gốc 87.725.008.493 đồng; lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm: Lãi trong hạn 5.143.386.050 đồng, lãi quá hạn 8.161.355.008 đồng). Trường hợp Công ty J.S không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án phát mãi tài sản mà Công ty J.S đã thế chấp cho Ngân hàng để đảm bảo cân trừ nghĩa vụ trả nợ của Công ty J.S.

[5] Về yêu cầu trả tiền nợ gốc của nguyên đơn:

[5.1] Ngân hàng đã cho Công ty J.S vay tiền theo hợp đồng tín dụng hạn mức ngắn hạn số 15642/18MN/HĐTD ngày 24 tháng 7 năm 2018. Hợp đồng này Ngân hàng đã giải ngân cho Công ty J.S theo các đề nghị giải ngân kèm khế ước nhận nợ số 15642/18MN/HĐTD/ĐNGN-KUNN/01 ngày 22 tháng 8 năm 2018, số tiền vay 1.009.730.070 đồng, thời hạn vay 06 tháng từ ngày 22 tháng 8 năm 2018 đến ngày 22 tháng 02 năm 2019; số 15642/18MN/HĐTD/ĐNGN-KUNN/02 ngày 11 tháng 9 năm 2018, số tiền vay 1.062.431.316 đồng, thời hạn vay 06 tháng từ ngày 12 tháng 9 năm 2018 đến ngày 11 tháng 3 năm 2019; số 15642/18MN/HĐTD/ĐNGN-KUNN/03 ngày 13 tháng 9 năm 2018 số tiền vay 2.959.976.250 đồng, thời hạn vay 06 tháng từ ngày 14 tháng 9 năm 2018 đến ngày 13 tháng 3 năm 2019; số 15642/18MN/HĐTD/ĐNGN-KUNN/04 ngày 13 tháng 9 năm 2018, số tiền vay 1.459.161.000 đồng, thời hạn vay 06 tháng từ ngày 14 tháng 9 năm 2018 đến ngày 13 tháng 3 năm 2019; số 15642/18MN/HĐTD/ĐNGN-KUNN/05 ngày 18 tháng 9 năm 2018 số tiền vay 841.500.000 đồng, thời hạn vay 06 tháng từ ngày

19 tháng 9 năm 2018 đến ngày 18 tháng 3 năm 2019; số 15642/18MN/HĐTD/KUNN06 ngày 27 tháng 9 năm 2018 số tiền vay 1.481.254.425 đồng, thời hạn vay 06 tháng từ ngày 28 tháng 9 năm 2018 đến ngày 27 tháng 3 năm 2019; số 15642/18MN/HĐTD/KUNN07 ngày 27 tháng 9 năm 2018 số tiền vay 511.859.205 đồng, thời hạn vay 06 tháng từ ngày 28 tháng 9 năm 2018 đến ngày 27 tháng 3 năm 2019; số 15642/18MN/HĐTD/KUNN08 ngày 02 tháng 10 năm 2018, số tiền vay 853.084.357 đồng, thời hạn vay 06 tháng từ ngày 03 tháng 10 năm 2018 đến ngày 02 tháng 4 năm 2019; số 15642/18MN/HĐTD/KUNN09 ngày 08 tháng 10 năm 2018, số tiền vay 545.828.400 đồng, thời hạn vay 06 tháng từ ngày 09 tháng 10 năm 2018 đến ngày 08 tháng 4 năm 2019; số 15642/18MN/HĐTD/KUNN10 ngày 11 tháng 10 năm 2018, số tiền vay 1.162.628.500 đồng, thời hạn vay 06 tháng từ ngày 12 tháng 10 năm 2018 đến ngày 11 tháng 4 năm 2019; số 15642/18MN/HĐTD/KUNN11 ngày 16 tháng 10 năm 2018, số tiền vay 1.126.144.404 đồng, thời hạn vay 06 tháng từ ngày 17 tháng 10 năm 2018 đến ngày 16 tháng 4 năm 2019; số 15642/18MN/HĐTD/KUNN12 ngày 18 tháng 10 năm 2018, số tiền vay 1.245.288.356 đồng, thời hạn vay 06 tháng từ ngày 19 tháng 10 năm 2018 đến ngày 18 tháng 4 năm 2019; số 15642/18MN/HĐTD/KUNN13 ngày 19 tháng 10 năm 2018, số tiền vay 815.794.200 đồng, thời hạn vay 06 tháng từ ngày 20 tháng 10 năm 2018 đến ngày 19 tháng 4 năm 2019; số 15642/18MN/HĐTD/KUNN16 ngày 26 tháng 10 năm 2018, số tiền vay 1.135.353.145 đồng, thời hạn vay 06 tháng từ ngày 27 tháng 10 năm 2018 đến ngày 26 tháng 4 năm 2019; số 15642/18MN/HĐTD/KUNN17 ngày 29 tháng 10 năm 2018, số tiền vay 1.460.971.296 đồng, thời hạn vay 06 tháng từ ngày 30 tháng 10 năm 2018 đến ngày 29 tháng 4 năm 2019; số 15642/18MN/HĐTD/KUNN18 ngày 29 tháng 10 năm 2018, số tiền vay 1.387.323.000 đồng, thời hạn vay 06 tháng từ ngày 30 tháng 10 năm 2018 đến ngày 29 tháng 4 năm 2019; số 15642/18MN/HĐTD/KUNN19 ngày 30 tháng 10 năm 2018, số tiền vay 1.501.125.000 đồng, thời hạn vay 06 tháng từ ngày 31 tháng 10 năm 2018 đến ngày 30 tháng 4 năm 2019; số 15642/18MN/HĐTD/KUNN20 ngày 01 tháng 11 năm 2018, số tiền vay 855.601.100 đồng, thời hạn vay 06 tháng từ ngày 02 tháng 11 năm 2018 đến ngày 01 tháng 5 năm 2019; số 15642/18MN/HĐTD/KUNN21 ngày 02 tháng 11 năm 2018, số tiền vay 1.106.588.400 đồng, thời hạn vay 06 tháng từ ngày 03 tháng 11 năm 2018 đến ngày 02 tháng 5 năm 2019; số 15642/18MN/HĐTD/KUNN22 ngày 07 tháng 11 năm 2018, số tiền vay 1.504.005.300 đồng, thời hạn vay 06 tháng từ ngày 08 tháng 11 năm 2018 đến ngày 07 tháng 5 năm 2019; số 15642/18MN/HĐTD/KUNN23 ngày 14 tháng 11 năm 2018, số tiền vay 1.503.684.000 đồng, thời hạn vay 06 tháng từ ngày 15 tháng 11 năm 2018 đến ngày 14 tháng 5 năm 2019; số 15642/18MN/HĐTD/KUNN24 ngày 03 tháng 12 năm 2018, số tiền vay 3.342.634.560 đồng, thời hạn vay 06 tháng từ ngày 04 tháng 12 năm 2018 đến ngày 03 tháng 6 năm 2019; số 15642/18MN/HĐTD/KUNN26 ngày 05 tháng 12 năm 2018, số tiền vay

893.784.210 đồng, thời hạn vay 06 tháng từ ngày 06 tháng 12 năm 2018 đến ngày 05 tháng 6 năm 2019; số 15642/18MN/HĐTD/KUNN28 ngày 10 tháng 12 năm 2018, số tiền vay 4.607.819.245 đồng, thời hạn vay 06 tháng từ ngày 11 tháng 12 năm 2018 đến ngày 10 tháng 6 năm 2019; số 15642/18MN/HĐTD/KUNN30 ngày 11 tháng 12 năm 2018, số tiền vay 902.074.600 đồng, thời hạn vay 06 tháng từ ngày 12 tháng 12 năm 2018 đến ngày 11 tháng 6 năm 2019; số 15642/18MN/HĐTD/KUNN31 ngày 18 tháng 12 năm 2018, số tiền vay 1.056.492.000 đồng, thời hạn vay 06 tháng từ ngày 19 tháng 12 năm 2018 đến ngày 18 tháng 6 năm 2019; số 15642/18MN/HĐTD/KUNN32 ngày 18 tháng 12 năm 2019, số tiền vay 1.007.490.000 đồng, thời hạn vay 06 tháng từ ngày 19 tháng 12 năm 2018 đến ngày 18 tháng 6 năm 2019; số 15642/18MN/HĐTD/KUNN33 ngày 02 tháng 01 năm 2019, số tiền vay 650.000.000 đồng, thời hạn vay 06 tháng từ ngày 03 tháng 01 năm 2019 đến ngày 02 tháng 7 năm 2019. Tổng số tiền Ngân hàng đã giải ngân cho Công ty J.S là 37.989.626.339 đồng. Theo hợp đồng này Công ty J.S mới thanh toán cho Ngân hàng nợ gốc là 442.695.007 đồng, còn nợ 37.546.931.332 đồng.

[5.2] Theo Hợp đồng tín dụng hạn mức ngắn hạn số 15642/18MN/HĐTD ngày 24 tháng 7 năm 2018. Hợp đồng này Ngân hàng đã giải ngân cho Công ty J.S theo các đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 15642/18MN/HĐTD/KUNN15 ngày 24 tháng 10 năm 2018, số tiền vay 5.748.695.217 đồng, thời hạn vay 03 tháng từ ngày 25 tháng 10 năm 2018 đến ngày 24 tháng 01 năm 2019; số 15642/18MN/HĐTD/KUNN18 ngày 30 tháng 10 năm 2018, số tiền vay 790.000.000 đồng, thời hạn vay 03 tháng từ ngày 31 tháng 10 năm 2018 đến ngày 30 tháng 01 năm 2019; số 15642/18MN/HĐTD/KUNN25 ngày 04 tháng 12 năm 2018, số tiền vay 951.187.710 đồng, thời hạn vay 06 tháng từ ngày 05 tháng 12 năm 2018 đến ngày 04 tháng 6 năm 2019; số 15642/18MN/HĐTD/KUNN27 ngày 10 tháng 12 năm 2018, số tiền vay 559.137.760 đồng, thời hạn vay 03 tháng từ ngày 11 tháng 12 năm 2018 đến ngày 10 tháng 3 năm 2019; số 15642/18MN/HĐTD/KUNN29 ngày 11 tháng 12 năm 2018, số tiền vay 1.258.132.564 đồng, thời hạn vay 03 tháng từ ngày 12 tháng 12 năm 2018 đến ngày 11 tháng 3 năm 2019; số 15642/18MN/HĐTD/KUNN34 ngày 02 tháng 01 năm 2019, số tiền vay 205.000.000 đồng, thời hạn vay 03 tháng từ ngày 03 tháng 01 năm 2019 đến ngày 02 tháng 4 năm 2019. Tổng số tiền Ngân hàng đã giải ngân cho Công ty J.S là 9.512.153.251 đồng. Theo hợp đồng này Công ty J.S mới thanh toán cho Ngân hàng nợ gốc là 5.369.751.865 đồng, còn nợ 4.142.401.386 đồng.

[5.3] Hợp đồng tín dụng hạn mức ngắn hạn số 15642/18MN/HĐTD ngày 24 tháng 7 năm 2018. Hợp đồng này Ngân hàng đã giải ngân cho Công ty J.S theo các khế ước nhận nợ số 0021/19/HDBANK-010 ngày 21 tháng 02 năm 2019, số tiền vay 73,810.00 USD, ngày đến hạn thanh toán là ngày 22 tháng 4 năm 2019; số 0025/19/HDBANK-010 ngày 22 tháng 02 năm 2019, số tiền vay 74.100.00 USD, ngày đến hạn thanh toán là ngày 04 tháng 8 năm 2019; số

0084/19/HDBANK-010 ngày 29 tháng 3 năm 2019, số tiền vay 71,010 USD, ngày đến hạn thanh toán là ngày 13 tháng 5 năm 2019. Tổng số tiền Ngân hàng đã giải ngân cho Công ty J.S là 218,920 USD. Theo hợp đồng này Công ty J.S mới thanh toán cho Ngân hàng nợ gốc là 17,305.01 USD đồng, còn nợ 201,614.99 USD, tương đương với đồng Việt Nam tại thời điểm xét xử sơ thẩm (1USD = 23.430 VND) là 4.723.839.215.

[5.4] Hợp đồng tín dụng số 0559/14/HĐTDTDH-DN/010 ngày 23 tháng 12 năm 2014; Phụ lục hợp đồng số 0559/14/HĐTDTDH-DN/010/PL.01 ngày 24 tháng 9 năm 2015 và Phụ lục hợp đồng số 0559/14/HĐTDTDH-DN/010/PL HĐTD/PN/02 ngày 22 tháng 6 năm 2017. Hợp đồng này Ngân hàng đã giải ngân cho Công ty J.S theo các khế ước nhận nợ số 0559/14/HĐTDTDH-DN/010/KUNN.01 ngày 24 tháng 12 năm 2014, số tiền vay 10.000.000.000 đồng, thời hạn vay 84 tháng từ ngày 24 tháng 12 năm 2014 đến ngày 24 tháng 12 năm 2021; số 0559/14/HĐTDTDH-DN/010/KUNN.02 ngày 24 tháng 12 năm 2014, số tiền vay 10.000.000.000 đồng, thời hạn vay 84 tháng từ ngày 24 tháng 12 năm 2014 đến ngày 24 tháng 12 năm 2021; số 0559/14/HĐTDTDH-DN/010/KUNN.03 ngày 24 tháng 12 năm 2014, số tiền vay 10.000.000.000 đồng, thời hạn vay 84 tháng từ ngày 24 tháng 12 năm 2014 đến ngày 24 tháng 12 năm 2021; đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 0559.04/ĐNGN-KUNN/DN ngày 24 tháng 9 năm 2015, số tiền vay 20.000.000.000 đồng, thời hạn vay 75 tháng từ ngày nhận nợ đến ngày 24 tháng 12 năm 2021. Tổng số tiền Ngân hàng đã giải ngân cho Công ty J.S là 50.000.000.000 đồng. Theo hợp đồng này Công ty J.S mới thanh toán cho Ngân hàng nợ gốc là 27.648.300.310 đồng, còn nợ 22.351.699.690 đồng.

[5.5] Hợp đồng tín dụng số 11580/17/HĐTDTDH-PN/010 ngày 14 tháng 8 năm 2017. Hợp đồng này Ngân hàng đã giải ngân cho Công ty J.S theo các khế ước nhận nợ số 11580/17/HĐTDTDH-PN/010/ĐNGN-KUNN/PN/01 ngày 15 tháng 8 năm 2017, số tiền vay 9.998.000.000 đồng, thời hạn vay 60 tháng từ ngày 16 tháng 8 năm 2017 đến ngày 15 tháng 8 năm 2022; số 11580/17/HĐTDTDH-PN/010/ĐNGN-KUNN/PN/02 ngày 15 tháng 8 năm 2017, số tiền vay 2.769.000.000 đồng, thời hạn vay 60 tháng từ ngày 16 tháng 8 năm 2017 đến ngày 15 tháng 8 năm 2022; số 11580/17/HĐTDTDH-PN/010/ĐNGN-KUNN/PN/03 ngày 20 tháng 10 năm 2017, số tiền vay 13.043.875.000 đồng, thời hạn vay từ ngày 21 tháng 10 năm 2017 đến ngày 15 tháng 8 năm 2022. Tổng số tiền Ngân hàng đã giải ngân cho Công ty J.S là 25.810.875.000 đồng. Theo hợp đồng này Công ty J.S mới thanh toán cho Ngân hàng nợ gốc là 6.850.738.131 đồng, còn nợ 18.960.136.869 đồng.

Căn cứ vào các hợp đồng tín dụng và các khế ước nhận nợ nêu trên có cơ sở xác định Ngân hàng có cho Công ty J.S vay tiền để nhằm mục đích thanh toán L/C, bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh, thanh toán tiền thuê đất còn lại tại khu công nghiệp Chơn Thành, bù đắp vốn đầu tư xây dựng nhà máy tại khu công nghiệp Chơn Thành, thanh toán chi phí xây dựng nhà kho và các hạn mục phụ trợ, thanh toán và bù đắp chi phí đầu tư mua MMTB:

ROTO GRATURE PRINTING M/C, thanh toán và bù đắp chi phí đầu tư mua MMTB: WATER VAPOR TRANS MISSION (WVTR) FILM TESTING EQUIPMENT; OXYGEN TRANSMISSION (O2TR) FILM TESTING EQUIPMENT, thanh toán và bù đắp chi phí đầu tư mua MMTB: TANDEM EXTRUDER LAMINATING M/C. Quá trình thực hiện hợp đồng Công ty J.S PLASTIC PACKAGING đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền nợ như đã cam kết trong các hợp đồng hạn mức cấp tín dụng nêu trên nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Công ty J.S thanh toán số tiền nợ gốc là. 83.001.169.277 đồng và 201,614.99 USD. Xét thấy, yêu cầu này của Ngân hàng là phù hợp với quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự nên có căn cứ chấp nhận.

[6] Về yêu cầu trả tiền lãi của nguyên đơn:

[6.1] Theo hợp đồng tín dụng hạn mức tín dụng ngắn hạn số 15642/18MN/HĐTD ngày 24 tháng 7 năm 2018 Ngân hàng giải ngân cho Công ty J.S số tiền là 37.989.626.339 đồng, lãi suất 09%/năm; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Hợp đồng này Công ty J.S chưa thanh toán cho Ngân hàng số tiền lãi trong hạn là 651.881.703 đồng; lãi quá hạn tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 5.284.980.916 đồng.

[6.2] Theo hợp đồng tín dụng hạn mức ngắn hạn số 15642/18MN/HĐTD ngày 24 tháng 7 năm 2018 Ngân hàng giải ngân cho Công ty J.S là 9.512.153.251 đồng, lãi suất 09%/năm; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Hợp đồng này Công ty J.S chưa thanh toán cho Ngân hàng số tiền lãi trong hạn là 34.978.354 đồng, lãi quá hạn tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 628.863.918 đồng.

[6.3] Theo hợp đồng tín dụng hạn mức ngắn hạn số 15642/18MN/HĐTD ngày 24 tháng 7 năm 2018 Ngân hàng giải ngân cho Công ty J.S là 218.920 USD, lãi suất 04%/năm; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất chiết khấu trong hạn. Hợp đồng này Công ty J.S chưa thanh toán cho Ngân hàng số tiền lãi trong hạn là 835.52 USD đồng, lãi quá hạn tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 12.727 USD đồng.

[6.4] Theo hợp đồng tín dụng số 0559/14/HĐTDTDH-DN/010 ngày 23 tháng 12 năm 2014; Phụ lục hợp đồng số 0559/14/HĐTDTDH-DN/010/PL.01 ngày 24 tháng 9 năm 2015 và Phụ lục hợp đồng số 0559/14/HĐTDTDH-DN/010/PL HĐTD/PN/02 ngày 22 tháng 6 năm 2017 Ngân hàng giải ngân cho Công ty J.S là 50.000.000.000 đồng, lãi suất 9.8%/năm. Hợp đồng này Công ty J.S chưa thanh toán cho Ngân hàng số tiền lãi trong hạn là 2.187.445.603 đồng, lãi quá hạn tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 1.076.620.083 đồng.

[6.5] Theo hợp đồng tín dụng số 11580/17/HĐTDTDDH-PN/010 ngày 14 tháng 8 năm 2017 Ngân hàng giải ngân cho Công ty J.S là 25.810.875.000 đồng, lãi suất 10%/năm. Hợp đồng này Công ty J.S chưa thanh toán cho Ngân hàng số tiền lãi trong hạn là 2.249.504.156 đồng, lãi quá hạn tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 872.696.481 đồng.

[6.6] Đối với lãi suất quá hạn của các hợp đồng nêu trên bằng 150% lãi suất trong hạn.

[6.7] Xét thấy, việc thỏa thuận thanh toán tiền lãi của các đương sự là phù hợp với quy định tại Điểm a Khoản 5 Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Điều 11, Điều 13 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ngân hàng nhà nước Việt Nam. Do đó, yêu cầu tính tiền lãi của nguyên đơn (theo bảng kê chi tiết của Ngân hàng) là có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận. Như vậy, tổng số tiền lãi mà bị đơn Công ty J.S phải trả cho Ngân hàng tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 12.986.971.214 đồng và 13.562.52 USD (trong đó lãi trong hạn là 5.123.809.816 đồng và 835.52 USD; lãi quá hạn là 7.863.161.398 đồng và 12,727 USD).

[7] Đối với tài sản thế chấp:

[7.1] Tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản gắn liền với đất tọa lạc tại Lô A6.1, A6.2, A6.3, A6.5, A6.6, A6.7 Khu công nghiệp Chơn Thành 1, Đường số 8 và số 5 Khu công nghiệp Chơn Thành, Ấp 2, xã Thành Tâm, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CG 436735 số vào sổ CT08768 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Phước cấp ngày 04 tháng 5 năm 2017 cho Công ty TNHH Việt Nam J.S theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 0388/15/HĐBĐ-010 ngày 21 tháng 5 năm 2015; Hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 0388.01/15/HĐBĐ-010 ngày 24 tháng 9 năm 2015; Hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp số 0388/15/HĐBĐ-010/PL.02 ngày 22 tháng 6 năm 2017 tại Phòng công chứng số 01 tỉnh Bình Phước, đăng ký giao dịch bảo đảm tại Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Phước để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng theo hợp đồng tín dụng số 0559/14/HĐTDTDDH-DN/010 ngày 23 tháng 12 năm 2014 và các hợp đồng tín dụng/hợp đồng cấp bảo lãnh khác được ký kết giữa Ngân hàng và Công ty J.S sau khi ký hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 0388/15/HĐBĐ-010 ngày 21 tháng 5 năm 2015 là phù hợp với quy định tại các Điều 342, Điều 348, Điều 355, Điều 715, Điều 716, Điều 717, Điều 718, Điều 719, Điều 720 và Điều 721 Bộ luật dân sự năm 2005.

[7.2] Tài sản thế chấp là máy in màng bao bì (ROTO GRAVURE PRINTING M/C, Model: SOP-GRA-1300, kiểu máy in màng công nghiệp hoạt động bằng điện 3 pha/380v-50hz, công suất 120Kw, xuất xứ Hàn Quốc, năm sản xuất 2017 đặt tại Công ty TNHH Việt Nam J.S. Theo hợp đồng thế chấp máy móc, thiết bị, phương tiện vận tải số 10279/17/HĐBĐ-010 ngày 14 tháng 8 năm 2017, có đăng ký giao dịch bảo đảm tại Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại Đà Nẵng để bảo đảm toàn bộ nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng theo Hợp đồng tín dụng số 11580/17/HĐTDTDDH-PN/010 ngày 14 tháng 8 năm 2017, các phụ lục kèm theo và các hợp đồng tín dụng khác được ký kết giữa Ngân hàng và Công

ty J.S là phù hợp với quy định tại các Điều 317, Điều 318, Điều 319, Điều 320, Điều 321, Điều 322, Điều 323 Bộ luật dân sự năm 2015.

[7.3] Tài sản thế chấp là hệ thống máy ghép màng bao bì nhựa Tandem Extruder Lamina Ting M/C SOP-TEL-1300, kiểu máy ghép màng bao bì nhựa công nghiệp hoạt động bằng điện 220v/380v-50hz/3pha, công suất 350kw, xuất xứ Hàn Quốc, năm sản xuất 2017 đặt tại Công ty TNHH Việt Nam J.S. Theo hợp đồng thế chấp máy móc, thiết bị, phương tiện vận tải số 13634/17/HĐBĐ-010 ngày 19 tháng 10 năm 2017, có đăng ký giao dịch bảo đảm tại Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại Đà Nẵng để bảo đảm toàn bộ nghĩa vụ nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng theo Hợp đồng tín dụng số 11580/17/HĐTDTDH-PN/010 ngày 14 tháng 8 năm 2017, các phụ lục kèm theo và các hợp đồng tín dụng khác được ký kết giữa Ngân hàng và Công ty J.S là phù hợp với quy định tại các Điều 317, Điều 318, Điều 319, Điều 320, Điều 321, Điều 322, Điều 323 Bộ luật dân sự năm 2015.

[7.4] Tài sản thế chấp là máy kiểm tra mức truyền hơi nước (WATER VAPOR TRANSMISSION RATE (WVTR) FILM TESTING EQUIPMENT), model PERMATRAN-W 3/34G (NIST), seri NO 0417FP0149, kiểu máy kiểm tra mức truyền hơi nước của màng bao bì nhựa, hoạt động bằng điện 1pha/220-50hz, công suất máy 700VA, xuất xứ USA, năm sản xuất 2017; máy kiểm tra mức truyền oxygen (OXYGEN TRANSMISSION RATE (O2TR) FILM TESTING EQUIPMENT), model OX-TRAN 2/22L (NIST), seri No 0317FN0194, kiểu máy kiểm tra mức truyền oxygen của màng bao bì nhựa, hoạt động bằng điện 1pha/220-50hz, công suất máy 700VA, xuất xứ USA, năm sản xuất 2017. Theo hợp đồng thế chấp máy móc, thiết bị, phương tiện vận tải số 10176/17/HĐBĐ-010 ngày 14 tháng 8 năm 2017, có đăng ký giao dịch bảo đảm tại Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại Đà Nẵng để bảo đảm toàn bộ nghĩa vụ nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng theo Hợp đồng tín dụng số 11580/17/HĐTDTDH-PN/010 ngày 14 tháng 8 năm 2017 và các hợp đồng tín dụng khác được ký kết giữa Ngân hàng và Công ty J.S PLASTIC PACKAGING là phù hợp với quy định tại các Điều 317, Điều 318, Điều 319, Điều 320, Điều 321, Điều 322, Điều 323 Bộ luật dân sự năm 2015.

[7.5] Tài sản thế chấp là Bộ chứng từ chiết khấu số JSVN-003-19; Bộ chứng từ chiết khấu số JSVN-008-19; Bộ chứng từ chiết khấu số JSVN-016-19. Theo yêu cầu thanh toán chứng từ hàng xuất, đề nghị chiết khấu kiêm hợp đồng chiết khấu số 0021/19/HĐBank-010 ngày 21 tháng 02 năm 2019; Giấy đề nghị kiêm hợp đồng chiết khấu có truy đòi chứng từ xuất khẩu theo phương thức thanh toán TTR số 0025/19/HĐBank-010 ngày 22/02/2019 và Giấy đề nghị kiêm hợp đồng chiết khấu có truy đòi chứng từ xuất khẩu theo phương thức thanh toán TTR số 0084/19/HĐBank-010 ngày 29 tháng 3 năm 2019 là phù hợp pháp luật.

Do đó, có căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng trong trường hợp Công ty J.S không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án tiến hành kê

biên, xử lý tài sản bảo đảm nêu trên để thu hồi nợ theo quy định tại Điều 299 Bộ luật dân sự năm 2015.

[8] Như vậy, Công ty J.S phải thanh toán cho Ngân hàng số tiền nợ gốc 83.001.169.277 đồng và 201,614.99 USD; nợ lãi trong hạn là 5.123.809.816 đồng và 835.52 USD; lãi quá hạn là 7.863.161.398 đồng và 12,727 USD.

[9] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An là phù hợp nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[10] Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ Công ty J.S phải nộp số tiền 4.000.000 đồng để hoàn trả cho Ngân hàng.

[11] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Các Điều 342, Điều 348, Điều 355, Điều 715, Điều 716, Điều 717, Điều 718, Điều 719, Điều 720 và Điều 721 của Bộ luật dân sự năm 2005; các Điều 317, Điều 318, Điều 319, Điều 320, Điều 321, Điều 322, Điều 323, Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 91, Điều 94, Điều 95 và Điều 98 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Căn cứ các Điều 30, Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 92, Điều 93, Điều 94, Điều 95, Điều 96, Điều 147, Điều 157, Khoản 2 Điều 227, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

- Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm và Nghị định số 11/2012/NĐ-CP ngày 22/02/2012 sửa đổi, bổ sung Nghị định số 163/2006/NĐ-CP;

- Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ngân hàng nhà nước Việt Nam.

- Thông tư số 42/2018/TT-NHNN ngày 28 tháng 12 năm 2018 của Ngân hàng nhà nước Việt Nam.

- Pháp lệnh ngoại hối số 28/2005/PL-UBTVQH11 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 13 tháng 12 năm 2005.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Ph về việc Tranh chấp hợp đồng tín dụng đối với bị đơn Công ty TNHH Việt Nam J.S.

Buộc Công ty TNHH Việt Nam J.S phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP Ph số tiền 95.988.140.491 đồng (chín mươi lăm tỷ chín trăm tám mươi tám triệu một trăm bốn mươi ngàn bốn trăm chín mươi một đồng) (trong đó nợ gốc 83.001.169.277 đồng; nợ lãi trong hạn là 5.123.809.816 đồng; lãi quá hạn là 7.863.161.398 đồng).

Buộc Công ty TNHH Việt Nam J.S phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP Ph số tiền nợ gốc 201,614.99 USD; nợ lãi trong hạn 835.52 USD; lãi quá hạn và 12,727 USD.

Kể từ ngày 11/5/2020 trở đi Công ty TNHH Việt Nam J.S còn phải trả các khoản tiền lãi được tính trên số tiền dư nợ gốc thực tế theo mức lãi suất thỏa thuận giữa Ngân hàng TMCP Ph và Công ty TNHH Việt Nam J.S tại các hợp đồng tín dụng đã ký kết.

Trường hợp Công ty TNHH Việt Nam J.S không thanh toán hết số tiền nợ trên cho Ngân hàng TMCP Ph thì Ngân hàng TMCP Ph có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi tài sản và xử lý tài sản gồm:

- Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản gắn liền với đất tọa lạc tại Lô A6.1, A6.2, A6.3, A6.5, A6.6, A6.7 Khu công nghiệp Chơn Thành 1, Đường số 8 và số 5 Khu công nghiệp Chơn Thành, Ấp 2, xã Thành Tâm, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CG 436735 số vào sổ CT08768 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Phước cấp ngày 04 tháng 5 năm 2017 cho Công ty TNHH Việt Nam J.S theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 0388/15/HĐBĐ-010 ngày 21 tháng 5 năm 2015; Hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 0388.01/15/HĐBĐ-010 ngày 24 tháng 9 năm 2015; Hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp số 0388/15/HĐBĐ-010/PL.02 ngày 22 tháng 6 năm 2017 tại Phòng công chứng số 01 tỉnh Bình Phước.

- Máy in màng bao bì (ROTO GRAVURE PRINTING M/C, Model: SOP-GRA-1300, kiểu máy in màng công nghiệp hoạt động bằng điện 3 pha/380v-50hz, công suất 120Kw, xuất xứ Hàn Quốc, năm sản xuất 2017 đặt tại Công ty TNHH Việt Nam J.S. Theo hợp đồng thế chấp máy móc, thiết bị, phương tiện vận tải số 10279/17/HĐBĐ-010 ngày 14 tháng 8 năm 2017.

- Hệ thống máy ghép màng bao bì nhựa Tandem Extruder Lamina Ting M/C SOP-TEL-1300, kiểu máy ghép màng bao bì nhựa công nghiệp hoạt động bằng điện 220v/380v-50hz/3pha, công suất 350kw, xuất xứ Hàn Quốc, năm sản xuất 2017 đặt tại Công ty TNHH Việt Nam J.S. Theo hợp đồng thế chấp máy móc, thiết bị, phương tiện vận tải số 13634/17/HĐBĐ-010 ngày 19 tháng 10 năm 2017.

- Tài sản thế chấp là máy kiểm tra mức truyền hơi nước (WATER VAPOR TRANS MISSION RATE (WVTR) FILM TESTING EQUIPMENT), model PERMATRAN-W 3/34G (NIST), seri NO 0417FP0149, kiểu máy kiểm tra mức truyền hơi nước của màng bao bì nhựa, hoạt động bằng điện 1pha/220-50hz,

công suất máy 700VA, xuất xứ USA, năm sản xuất 2017; máy kiểm tra mức truyền oxygen (OXYGEN TRANSMISSION RATE (O2TR) FILM TESTING EQUIPMENT), model OX-TRAN 2/22L (NIST), seri No 0317FN0194, kiểu máy kiểm tra mức truyền oxygen của màng bao bì nhựa, hoạt động bằng điện 1pha/220-50hz, công suất máy 700VA, xuất xứ USA, năm sản xuất 2017. Theo hợp đồng thế chấp máy móc, thiết bị, phương tiện vận tải số 10176/17/HĐBĐ-010 ngày 14 tháng 8 năm 2017.

- Và được quyền thu hồi nợ từ Bộ chứng từ chiết khấu số JSVN-003-19; Bộ chứng từ chiết khấu số JSVN-008-19; Bộ chứng từ chiết khấu số JSVN-016-19. Theo yêu cầu thanh toán chứng từ hàng xuất, đề nghị chiết khấu kèm hợp đồng chiết khấu số 0021/19/HDBank-010 ngày 21 tháng 02 năm 2019; Giấy đề nghị kèm hợp đồng chiết khấu có truy đòi chứng từ xuất khẩu theo phương thức thanh toán TTR số 0025/19/HDBank-010 ngày 22/02/2019 và Giấy đề nghị kèm hợp đồng chiết khấu có truy đòi chứng từ xuất khẩu theo phương thức thanh toán TTR số 0084/19/HDBank-010 ngày 29 tháng 3 năm 2019.

2. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Công ty TNHH Việt Nam J.S phải chịu 4.000.000 đồng (bốn triệu đồng) để hoàn trả cho Ngân hàng TMCP Ph.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Công ty TNHH Việt Nam J.S phải chịu 209.029.749 đồng (hai trăm lẻ chín triệu không trăm hai mươi chín ngàn bảy trăm bốn mươi chín đồng).

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP Ph số tiền 99.652.643 đồng (chín mươi chín triệu sáu trăm năm mươi hai ngàn sáu trăm bốn mươi ba đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0036536 ngày 27 tháng 11 năm 2019 (do ông Trần Lăng Tĩnh nộp thay) tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã (nay là thành phố) Thuận An, tỉnh Bình Dương.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2, Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- Chánh án (để báo cáo);
- VKSND thành phố Thuận An,;
- Chi cục THADS thành phố Thuận An;
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Bạch Tuyết